CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT

Số: 293/2026/BC/MGDV-VFS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do -Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2026

DANH MỤC CHỨNG KHOÁN
THỰC HIỆN GIAO DỊCH KÝ QUỸ THÁNG 11/2026

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
	a.Danh mục chứng khoán ký quỹ tại Sở GDCK Hà Nội			
1	BVS			BVS
2	C69			C69
3	CAP			CAP
4	CEO			CEO
5	CIA			CIA
6	CSC			CSC
7	DHT			DHT
8	DL1			DL1
9	DNP			DNP
10	DTD			DTD
11	DXP			DXP
12	HDA			HDA
13	HHC			HHC
14	HJS			HJS
15	HLC			HLC
16	HUT			HUT
17	IDC			IDC
18	IDV			IDV
19	INN			INN
20	IPA			IPA
21	L14			L14
22	L18			L18
23	L40			L40
24	LAS			LAS
25	LHC			LHC
26	MBS			MBS
27	MDC			MDC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
28	MST			MST
29	NAG			NAG
30	NBC			NBC
31	NDN			NDN
32	NSH			NSH
33	NTP			NTP
34	PBP			PBP
35	PCH			PCH
36	PLC			PLC
37	PMC			PMC
38	PSD			PSD
39	PTI			PTI
40	PVB			PVB
41	PVC			PVC
42	PVG			PVG
43	PVI			PVI
44	PVS			PVS
45	S99			S99
46	SCG			SCG
47	SD9			SD9
48	SHS			SHS
49	SLS			SLS
50	TDT			TDT
51	TIG			TIG
52	TNG			TNG
53	TPP			TPP
54	TV4			TV4
55	TVD			TVD
56	VC3			VC3
57	VC7			VC7
58	VCS			VCS
59	VGS			VGS
60	VHE			VHE
61	VNR			VNR
62	VTZ			VTZ
	b.Danh mục chứng khoán ký quỹ tại Sở GDCK TP.HCM			
1	AAA			AAA
2	ACB			ACB
3	ACC			ACC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
4	ACL			ACL
5	ADS			ADS
6	AFX			AFX
7	AGG			AGG
8	AGR			AGR
9	ANT			ANT
10	ANV			ANV
11	ASM			ASM
12	AST			AST
13	BAF			BAF
14	BCM			BCM
15	BFC			BFC
16	BIC			BIC
17	BID			BID
18	BKG			BKG
19	BMC			BMC
20	BMP			BMP
21	BSI			BSI
22	BSR			BSR
23	BTP			BTP
24	BVH			BVH
25	BWE			BWE
26	CCL			CCL
27	CDC			CDC
28	CII			CII
29	CKG			CKG
30	CMG			CMG
31	CNG			CNG
32	CRC			CRC
33	CSM			CSM
34	CSV			CSV
35	CTD			CTD
36	CTF			CTF
37	CTG			CTG
38	CTI			CTI
39	CTS			CTS
40	CTR			CTR
41	CVT			CVT
42	CHP			CHP
43	DBC			DBC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
44	DBD			DBD
45	DBT			DBT
46	DC4			DC4
47	DCL			DCL
48	DCM			DCM
49	DGW			DGW
50	DHA			DHA
51	DHC			DHC
52	DHG			DHG
53	DIG			DIG
54	DPG			DPG
55	DPM			DPM
56	DPR			DPR
57	DRC			DRC
58	DSN			DSN
59	DVP			DVP
60	DXG			DXG
61	E1VFVN30			E1VFVN30
62	EIB			EIB
63	ELC			ELC
64	EVF			EVF
65	FCN			FCN
66	FIR			FIR
67	FMC			FMC
68	FPT			FPT
69	FRT			FRT
70	FTS			FTS
71	FUEMAV30			FUEMAV30
72	FUESSV30			FUESSV30
73	FUESSVFL			FUESSVFL
74	FUEVFVND			FUEVFVND
75	FUEVN100			FUEVN100
76	GAS			GAS
77	GEE			GEE
78	GEG			GEG
79	GEL			GEL
80	GEX			GEX
81	GMD			GMD
82	GSP			GSP
83	GVR			GVR

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
84	HAG			HAG
85	HAH			HAH
86	HAX			HAX
87	HCD			HCD
88	HCM			HCM
89	HDB			HDB
90	HDC			HDC
91	HDG			HDG
92	HHP			HHP
93	HHS			HHS
94	HHV			HHV
95	HMC			HMC
96	HPA			HPA
97	HPG			HPG
98	HPX			HPX
99	HQC			HQC
100	HSG			HSG
101	HSL			HSL
102	HT1			HT1
103	HTN			HTN
104	HUB			HUB
105	HVH			HVH
106	IDI			IDI
107	IJC			IJC
108	ILB			ILB
109	IMP			IMP
110	ITC			ITC
111	KBC			KBC
112	KDC			KDC
113	KDH			KDH
114	KMR			KMR
115	KOS			KOS
116	KSB			KSB
117	KHG			KHG
118	KHP			KHP
119	LBM			LBM
120	LCG			LCG
121	LHG			LHG
122	LIX			LIX
123	LPB			LPB

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
124	LSS			LSS
125	MBB			MBB
126	MCH			MCH
127	MIG			MIG
128	MSB			MSB
129	MSH			MSH
130	MSN			MSN
131	MWG			MWG
132	NAF			NAF
133	NBB			NBB
134	NCT			NCT
135	NKG			NKG
136	NLG			NLG
137	NNC			NNC
138	NO1			NO1
139	NSC			NSC
140	NT2			NT2
141	NTL			NTL
142	NVL			NVL
143	NHH			NHH
144	OCB			OCB
145	OPC			OPC
146	PAC			PAC
147	PAN			PAN
148	PC1			PC1
149	PDR			PDR
150	PET			PET
151	PGC			PGC
152	PLX			PLX
153	PNJ			PNJ
154	POW			POW
155	PPC			PPC
156	PTB			PTB
157	PVD			PVD
158	PVP			PVP
159	PVT			PVT
160	PHC			PHC
161	PHR			PHR
162	REE			REE
163	RYG			RYG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
164	SAB			SAB
165	SAM			SAM
166	SBA			SBA
167	SBT			SBT
168	SCR			SCR
169	SCS			SCS
170	SFI			SFI
171	SGN			SGN
172	SGT			SGT
173	SHA			SHA
174	SHB			SHB
175	SHI			SHI
176	SIP			SIP
177	SJD			SJD
178	SJS			SJS
179	SKG			SKG
180	SMB			SMB
181	SSB			SSB
182	SSI			SSI
183	STB			STB
184	SVC			SVC
185	SZC			SZC
186	TCB			TCB
187	TCI			TCI
188	TCL			TCL
189	TCM			TCM
190	TCO			TCO
191	TCX			TCX
192	TCH			TCH
193	TDG			TDG
194	TDM			TDM
195	TDP			TDP
196	TEG			TEG
197	TIP			TIP
198	TLD			TLD
199	TLG			TLG
200	TMS			TMS
201	TNI			TNI
202	TNT			TNT
203	TPB			TPB

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
204	TTA			TTA
205	TV2			TV2
206	TVB			TVB
207	TVS			TVS
208	THG			THG
209	TRC			TRC
210	VAB			VAB
211	VCB			VCB
212	VCG			VCG
213	VCI			VCI
214	VCK			VCK
215	VDS			VDS
216	VFG			VFG
217	VGC			VGC
218	VHC			VHC
219	VHM			VHM
220	VIB			VIB
221	VIC			VIC
222	VIP			VIP
223	VIX			VIX
224	VJC			VJC
225	VND			VND
226	VNM			VNM
227	VPB			VPB
228	VPI			VPI
229	VPL			VPL
230	VPX			VPX
231	VRC			VRC
232	VRE			VRE
233	VSC			VSC
234	VTP			VTP
235	YEG			YEG

NGƯỜI LẬP | **KIỂM SOÁT** | **TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thị Lan | Phạm Thị Nga | Nguyễn Thị Thu Hằng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT